



ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2008

Môn thi: LỊCH SỬ, khối C (Thời gian làm bài: 180 phút)

PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH

Câu I (2,5 điểm)

Trình bày tác động của hai sự kiện lịch sử sau đây đối với cách mạng Việt Nam thời kì 1939-1945:

- Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939);
- Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh (8-1945).

Câu II (2,5 điểm)

Tại sao Đảng và Chính phủ phát động phong trào toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào ngày 19-12-1946? Nêu ngắn gọn đường lối kháng chiến do Đảng ta đề ra trong những năm 1946 – 1947.

Câu III (3,0 điểm)

Cuối năm 1974 – mùa Xuân 1975, sau mỗi thắng lợi lớn trên chiến trường, Đảng ta đã có những chủ trương, quyết định nào để sớm giải phóng hoàn toàn miền Nam?

PHẦN RIÊNG ----- Thí sinh chỉ được làm 1 trong 2 câu : IV.a hoặc IV.b -----

Câu IV.a Theo chương trình KHÔNG phân ban (2,0 điểm)

Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Câu IV.b. Theo chương trình phân ban (2,0 điểm)

Sự ra đời và hoạt động của Việt Nam quốc dân đảng.

BÀI GIẢI GỢI Ý

Câu I. Tác động của hai sự kiện lịch sử sau đây đối với cách mạng Việt Nam thời kì 1939-1945:

+ Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939):

Thực dân Pháp ở Đông Dương đứng trước hai nguy cơ: Một là ngọn lửa cách mạng giải phóng của nhân dân Đông Dương sớm muộn sẽ bùng lên thiêu đốt chúng; hai là sự đe dọa trắng trợn của phát xít Nhật đang lăm le hất cẳng chúng. Để đối phó lại tình hình khốn đốn đó, một mặt chúng đã thi hành chính sách thời chiến, trắng trợn phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Hàng ngàn vụ khám xét, bắt bớ đã diễn ra khắp nơi, lệnh “tổng động viên” được ban bố cùng với chính sách “kinh tế chỉ huy” được thi hành nhằm tăng cường vơ vét sức người và sức của ở thuộc địa để cung ứng cho cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa. Chính sách phản động trên của thực dân Pháp đã đẩy nhân dân ta vào cảnh sống ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và tay sai càng trở nên gay gắt hơn.

Mặt khác, thực dân Pháp đã chọn con đường thỏa hiệp với phát xít Nhật. Ngày 20-6-1940, Nhật buộc Pháp phải đóng cửa biên giới Việt Trung, không để đồng minh chuyên chở vũ khí, hàng hóa xuyên qua Bắc Kỳ vào nội địa Trung Quốc. Tháng 8 năm đó, bọn Pháp ở Đông Dương phải kí hiệp ước thừa nhận cho Nhật có những đặc quyền ở Đông Dương.

Chỉ một tháng sau, lại phải kí hiệp ước thuận cho Nhật dùng ba sân bay ở Bắc Kỳ (Gia Lâm, Cát Bi, Phủ Lạng Thương) đóng 6000 quân ở phía Bắc sông Hồng và dùng các con đường ở Bắc Kỳ để vận chuyển binh lính vào nội địa Trung Quốc. Phát xít Nhật vừa bắt ép thực dân Pháp đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác, vờ tìm cách lôi kéo một số phần tử cơ hội trong đám địa chủ và tư sản làm tay sai phục vụ cho mưu đồ xâm lược của chúng. Bọn này nấp dưới hình thức đảng phái chính trị (Đại Việt, Phục Quốc,...) hoặc tôn giáo để hoạt động, ra sức tuyên

truyền lửa bịp về văn minh và sức mạnh của Nhật, về thuyết “Đại Đông Á”, ráo riết dọn đường cho Nhật hất cẳng Pháp.

+ Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh (8-1945):

- Quân Nhật ở Đông Dương bị tê liệt, chính phủ bù nhìn tay sai Trần Trọng Kim hoang mang cực độ.

- Trước sự biến chuyển mau lẹ của tình hình, ngay khi nghe tin chính phủ Nhật xin đầu hàng, từ ngày 13 đến 15-8-1945, hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Tân Trào, (Tuyên Quang) quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền trước khi quân Đồng minh vào.

- Tiếp theo hội nghị toàn quốc của Đảng, *Đại hội quốc dân* cũng họp ở Tân Trào (16-8-1945), gồm đại biểu ba xứ thuộc đủ các giới, các đoàn thể, các dân tộc, tiêu biểu cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân. Lần đầu tiên, lãnh tụ Hồ Chí Minh ra mắt các đại diện của quốc dân.

- Đại hội đã nhất trí tán thành quyết định tổng khởi nghĩa, thông qua 10 chính sách của Việt Minh, lập *Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam* (tức là Chính phủ lâm thời sau này) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

- Giành được chính quyền ở Hà Nội, từ sau ngày Nhật đảo chính Pháp, không khí cách mạng càng thêm sôi động. Sự kiện này có tác dụng cổ vũ to lớn đối với phong trào cả nước.

- Giành chính quyền trong toàn quốc. Ngay từ những ngày đầu tháng 8, một không khí gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa đã sục sôi trong cả nước.

- Từ ngày 14-8 đến ngày 18-8, nhiều xã, huyện thuộc các tỉnh từ Bắc vào Nam đã nối tiếp nhau chớp thời cơ nổi dậy giành chính quyền.

- Chỉ trong vòng 15 ngày (từ ngày 14 đến 28-8), cuộc Tổng khởi nghĩa đã thành công hoàn toàn. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, chính quyền cả nước thật sự thuộc về tay nhân dân ta.

- Ngày 2-9-1945, tại quảng trường ba Đình, trước hàng chục vạn đồng bào thủ đô, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, tuyên bố trước quốc dân và thế giới rằng nước *Việt Nam dân chủ cộng hòa* đã ra đời.

Câu II: 1- Nguyên nhân dẫn đến việc Đảng và Chính phủ phát động phong trào toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp vào ngày 19-12-1946 là do sự bội ước của thực dân Pháp.

- Sau khi kí Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, thực dân Pháp tiếp tục tiến hành một loạt các hành động khiêu khích.

+ Tại Hải Phòng, ngày 20-11-1946, quân Pháp giành quyền thu thuế quan, gây xung đột với lực lượng vũ trang của ta; ngày 24-11, chúng bắn đại bác vào các khu phố và đến ngày 27-11-1946, quân Pháp chiếm đóng Hải Phòng, trên thực tế đã chính thức gây ra cuộc chiến tranh xâm lược miền Bắc nước ta.

+ Tại Hà Nội, từ đầu tháng 12-1946, quân Pháp nhiều lần xung đột với công an và tự vệ của ta. Ngày 17-12, chúng bắn đại bác và súng cối vào khu phố Hàng Bún, chiếm trụ sở Bộ Tài chính và một số cơ quan khác của ta; ngày 18-12, chúng gửi tối hậu thư buộc Chính phủ ta giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, giao cho chúng quyền kiểm soát thủ đô.

+ Trước hành động xâm lược của thực dân Pháp, ngày 18 và 19-12-1946, hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định phát động toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp. Sáng 20-12, lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh được truyền đi khắp cả nước. Ngay trong đêm 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

2- Đường lối kháng chiến *toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh* do Đảng ta đề ra trong những năm 1946-1947.

- Ngày 22-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”. Bản chỉ thị nêu lên một cách khái quát những nội dung cơ bản về đường lối của cuộc kháng chiến như: mục đích, tính chất, chính sách, cách đánh, chương trình kháng chiến... Đó là đường lối kháng chiến *toàn dân, toàn diện, lâu dài và tự lực cánh sinh*.

- Đến tháng 3-1947, đồng chí Trường Chinh, Tổng bí thư Đảng, đã viết một loạt bài đăng trên báo “Sự thật” để giải thích rõ đường lối kháng chiến của Đảng như: Chúng ta đánh ai? Đánh để làm gì? Tính chất của cuộc kháng chiến: kháng chiến về mặt quân sự, kháng chiến về mặt chính trị, kháng chiến về mặt kinh tế, kháng chiến về mặt văn hóa... Những bài viết này được tập hợp lại và in thành sách “*Kháng chiến nhất định thắng lợi*” trong dịp kỉ niệm lần thứ hai ngày Nam Bộ kháng chiến.

Câu III: *Cuối năm 1974 – mùa Xuân 1975, sau mỗi thắng lợi lớn trên chiến trường, Đảng ta đã có những chủ trương, quyết định nào để sớm giải phóng hoàn toàn miền Nam?*

1- Chủ trương khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất ở miền Bắc, ra sức chi viện cho chiến trường miền Nam

- Sau Hiệp định Pari 1973, miền Bắc trở lại hòa bình. Đảng ta chủ trương nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh sản xuất, khôi phục *kinh tế*, ra sức chi viện cho tiền tuyến. Đến cuối năm 1974, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trên một số mặt quan trọng đạt và vượt mức năm 1964 và 1971 là hai năm đạt mức cao nhất trong 20 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc; đời sống nhân dân ngày càng ổn định.

- Thực hiện chủ trương chi viện về sức người, sức của của miền Bắc cho miền Nam nhằm tiến hành tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975, trong hai tháng đầu năm 1975, Đảng đã quyết định gấp rút đưa vào miền Nam 57.000 bộ đội (trong tổng số 108.000 bộ đội của kế hoạch động viên 1975), cùng nhiều vũ khí, đạn dược, quân trang, quân dụng, xăng dầu, thuốc men, lương thực, thực phẩm... Đến đầu năm 1975, ta đã nâng cấp và mở rộng tuyến đường vận chuyển chiến lược Bắc – Nam, xây dựng được một hệ thống đường ống dẫn dầu tới Lộc Ninh và một hệ thống đường thông tin liên lạc hữu tuyến đến tận các chiến trường; chuẩn bị lực lượng tiếp quản vùng giải phóng trên tất cả các mặt: quốc phòng, kinh tế, giao thông vận tải, văn hóa, giáo dục, y tế sau khi chiến tranh kết thúc.

2. Quyết định tổng tiến công và nổi dậy, thực hiện kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam.

- Cuối năm 1974 – đầu 1975, sau thắng lợi vang dội trong chiến dịch đánh đường 14 – Phước Long, quân nguy đưa quân để chiếm lại vùng mới giải phóng song thất bại, trong khi Mĩ chỉ phản ứng yếu ớt, chủ yếu dùng áp lực từ xa và đe dọa.

- Diễn biến của tình hình đã khẳng định rõ nhận định của Đảng tại Hội nghị Bộ chính trị (từ 30-9 đến 7-10-1974) về sự lớn mạnh và khả năng chiến thắng lớn của quân ta, về sự suy yếu và bất lực của quân nguy, về khả năng can thiệp trở lại bằng quân sự rất hạn chế của Mĩ. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ 18-12-1974 đến 8-1-1975) quyết định bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch 2 năm (1975-1976) hoàn thành giải phóng miền Nam đề ra từ Hội nghị tháng 10-1974. Cụ thể là năm 1975 tranh thủ thời cơ bất ngờ tiến công địch trên quy mô lớn, rộng khắp, tạo điều kiện để đến năm 1976 tiến hành tổng công kích – tổng khởi nghĩa giải phóng hoàn toàn miền Nam. Tuy đề ra kế hoạch 2 năm, song Bộ Chính trị nhận định: “Nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975”. Bộ Chính trị cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải tranh thủ thời cơ thực hiện cuộc tổng công kích – tổng khởi nghĩa, phải đánh nhanh thắng nhanh để đỡ thiệt hại về người và của cho nhân dân, giữ gìn tốt cơ sở kinh tế, công trình văn hóa..., giảm bớt sự tàn phá của chiến tranh.

- Ngay trong khi chiến dịch Tây Nguyên còn tiếp diễn, thấy được thời cơ chiến lược hết sức thuận lợi, Bộ Chính trị đã có quyết định kịp thời về kế hoạch giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam, xác định nhiệm vụ chiến lược trước mắt là tiến hành chiến dịch giải phóng Huế – Đà Nẵng. Nghị quyết của Bộ Chính trị ngày 25-3-1975 đã nêu rõ “Thời cơ chiến lược mới đã đến, ta có điều kiện hoàn thành sớm quyết tâm giải phóng miền Nam... trước mùa mưa” (trước tháng 5-1975). Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được Bộ Chính trị quyết định mang tên “Chiến dịch Hồ Chí Minh”. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 kết thúc hoàn toàn thắng lợi mở ra bước ngoặt của lịch sử dân tộc, đồng thời càng khẳng định sự nghiệp lãnh đạo cách mạng Việt Nam với những chủ trương và quyết định sáng suốt, kịp thời của Đảng ta.

Câu IV.a. Sự ra đời và hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

1. Sự ra đời của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên

- Nguyễn Ái Quốc, sau thời gian ở Liên Xô học hỏi kinh nghiệm xây dựng đảng kiểu mới, đã về tới Quảng Châu (Trung Quốc) ngày 1-11-1924.

- Nguyễn Ái Quốc đã cùng với các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan, Indônêxia, Mã Lai sáng lập ra Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông; liên lạc với các nhà cách mạng Việt Nam có mặt tại đây, cùng một số thanh niên hăng hái mới từ trong nước sang từ sau tiếng bom Sa Diện (6-1924), để thành lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*.

- Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ra đời (6-1925), có tổ chức *Cộng sản đoàn* làm nòng cốt, nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam.

2. Hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên

- Từ năm 1924 đến 1927, Nguyễn Ái Quốc trực tiếp mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, đào tạo được 75 hội viên trở thành những cán bộ cách mạng. Một số thanh niên Việt Nam được chọn đi học trường Đại học phương Đông ở Liên Xô, một số được cử đi học quân sự ở Liên Xô hay Trung Quốc, còn lại phần lớn đều lên đường về nước hoạt động.

- Xuất bản tuần báo *Thanh niên*, ngay sau khi Hội Việt Nam cách mạng thanh niên ra đời, làm cơ quan tuyên truyền của Hội (số đầu tiên ra ngày 21-6-1925).

- Tập hợp các bài giảng trong các lớp đào tạo cán bộ ở Quảng Châu để in thành sách *Đường cách mệnh* (đầu năm 1927), trong đó Nguyễn Ái Quốc đã vạch ra những phương hướng cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam. Tác phẩm *Đường cách mệnh* và tuần báo *Thanh niên* được bí mật chuyển từ Trung Quốc về nước, vào đúng lúc phong trào yêu nước và dân chủ đang sôi nổi từ Nam ra Bắc, giai cấp công nhân đang lớn mạnh nhanh chóng, mở đường cho sự du nhập chủ nghĩa Mác-Lênin và sự thành lập Đảng.

- Năm 1926, xây dựng các tổ chức cơ sở trong nước của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Đến năm 1928, số hội viên mới có 300, thì năm sau đã lên tới 1700 hội viên. Trước đại hội đại biểu lần thứ nhất (5-1929), Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã tổ chức cơ sở ở hầu khắp cả nước. Ngoài ra, còn tổ chức một số đoàn thể quần chúng như công hội, nông hội, hội học sinh, hội phụ nữ...

- Năm 1928, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên thực hiện chủ trương “vô sản hóa”, đưa hội viên vào các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền cùng sống và lao động với công nhân để tự rèn luyện và truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, thúc đẩy sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu IV.b. Sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng.

1. Sự ra đời của Việt Nam Quốc dân đảng

- *Việt Nam Quốc dân đảng* được thành lập ngày 25-12-1927, ít lâu sau khi Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng ra đời. Địa bàn hoạt động chính của đảng là ở Bắc Kỳ.

- Việt Nam quốc dân đảng ra đời trên cơ sở *Nam đồng thư xã*, là một nhà xuất bản tiến bộ do Phạm Tuấn Tài sáng lập đầu năm 1927. Nam đồng thư xã ban đầu chỉ gồm một nhóm thanh niên yêu nước, chưa có đường lối chính trị rõ rệt. Nhưng càng về sau, do chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các trào lưu tư tưởng từ bên ngoài vào, đặc biệt là chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn (Trung Quốc), cùng với sự phát triển của các phong trào dân tộc dân chủ, dẫn tới sự ra đời của Việt Nam quốc dân đảng.

- Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu (xứ Nhu) và Phó Đức Chính sáng lập. Đây là một đảng chính trị theo xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, tiêu biểu cho bộ phận tư sản dân tộc Việt Nam. Mục tiêu của đảng nhằm đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

- Thành phần của đảng khá phức tạp, gồm các sinh viên, học sinh, công chức, tư sản lớp dưới, người làm nghề tự do, kể cả một số nông dân khá giả, thân hào, địa chủ ở nông thôn và binh lính cùng hạ sĩ quan người Việt trong quân đội Pháp.

- Về tổ chức khá lỏng lẻo, gồm có 4 cấp, từ trung ương xuống đến chi bộ cơ sở, song chỉ hoạt động trong một số địa phương, chưa trở thành hệ thống trong cả nước và nhất là ít có cơ sở quần chúng nên không phát triển thành một phong trào rộng lớn.

2. Hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng

Hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng nổi bật nhất chính là cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930).

- Ngày 9-2-1929, tại Hà Nội xảy ra vụ giết Badanh (Bazin), tên trùm mộ phu cho các đồn điền cao su. Nhân cơ hội này, thực dân Pháp tổ chức nhiều cuộc vây ráp lớn, trong đó số đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng bị bắt có tới 1000 người. Hầu hết cán bộ từ trung ương đến địa phương đều sa lưới, nhiều cơ sở các nơi bị phá vỡ.

- Trước tình thế bị động, Việt Nam quốc dân đảng quyết định dốc hết lực lượng còn lại tổ chức cuộc khởi nghĩa đêm 9-2-1930 ở Yên Bái, sau đó là ở *Phú Thọ, Hải Dương, Thái Bình* và có ném bom phối hợp ở Hà Nội.

- Tại Yên Bái, quân khởi nghĩa chiếm được trại lính, nhưng không làm chủ được tỉnh lỵ, nên hôm sau bị quân Pháp phản công và tiêu diệt. Ở các nơi khác, chỉ làm chủ tạm thời mấy huyện lỵ nhỏ, sau đó bị địch chiếm lại.

- Cuộc khởi nghĩa của Việt Nam quốc dân đảng bị thất bại nhanh chóng và bị đàn áp dã man. Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí, khi lên máy chém, đã hiên ngang hô lớn: “Việt Nam vạn tuế”.

----- oOo -----

ĐOÀN VĂN ĐẠO

(Trung tâm Bồi dưỡng văn hóa và Luyện thi đại học Vĩnh Viễn, TP.HCM)